

(Kèm theo quyết định số: 430/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 12/07/2024 của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	ĐT ƯT	Ngành	Điểm A	Điểm C	Điểm B	Tổng	Ghi chú
I. Y KHOA									
1	Phạm Thị Thương	27/03/1995	07	7720101	8,17	7,93	8,70	25,80	
2	Nguyễn Thị Oanh	10/07/1996		7720101	7,82	7,67	8,20	23,69	
3	Tạ Thu Hương	03/09/1999	07	7720101	7,37	7,70	7,50	23,57	
4	Nguyễn Công Dương	25/11/1989	07	7720101	6,95	7,03	8,00	22,98	
5	Nguyễn Thị Giang	25/08/1991	07	7720101	6,68	6,80	8,20	22,68	
6	Chu Thị Nga	03/02/1993	07	7720101	6,55	6,90	8,00	22,45	
7	Phạm Thị Huyền	19/01/1990	07	7720101	6,26	6,33	8,60	22,19	
8	Đào Công Pháp	25/10/1993	07	7720101	7,64	7,17	6,30	22,11	
9	Mai Trung Kiên	01/04/1993	07	7720101	6,94	7,07	7,00	22,01	
10	Phan Thị Thảo	20/03/1995		7720101	6,56	6,83	8,50	21,89	
11	Nguyễn Thị Nhài	05/12/1990	07	7720101	5,84	6,17	8,80	21,81	
12	Nguyễn Thị Hà	28/03/1995	07	7720101	5,94	6,90	7,60	21,44	
13	Nguyễn Thị Vui	20/04/1993	07	7720101	6,07	6,63	7,70	21,40	
14	Bùi Thị Ngọc Ánh	14/06/1990	07	7720101	7,12	6,33	6,90	21,35	
15	Lâm Thị Thu Huyền	16/11/1990	07	7720101	6,59	6,67	7,00	21,26	
16	Trịnh Minh An	13/09/1990	07	7720101	6,79	6,37	7,00	21,16	
17	Hà Văn Mạnh	08/04/1993	07	7720101	6,82	6,77	6,30	20,89	
18	Đinh Văn Thảo	19/07/1992	07	7720101	6,43	6,50	6,80	20,73	
II. NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG									
1	Đinh Thị Kim Liên	06/07/1993	07	7720301	8,21	7,73	7,10	24,04	
2	Phạm Thị Hương	15/12/1987	07	7720301	7,10	7,30	8,06	23,46	
3	Lê Thị Hồng	09/07/1988	07	7720301	7,71	7,07	7,18	22,96	
4	Đào Thế Anh	12/12/1995	07	7720301	6,97	6,60	8,29	22,86	
5	La Thị Loan	27/08/1990	07	7720301	7,10	7,13	7,51	22,74	
6	Nguyễn Thị Thanh Thủy	16/09/1988	07	7720301	7,46	7,27	6,97	22,70	
7	Hoàng Thị An	02/11/1989	07	7720301	6,32	6,47	8,32	22,11	
8	Hoàng Thị Liên	04/08/1992		7720301	7,06	7,03	8,01	22,10	
9	Nguyễn Thị Hương Giang	28/08/1992	07	7720301	6,64	6,70	7,67	22,01	
10	Đặng Thị Luyện	12/10/1982		7720301	6,87	6,93	7,85	21,65	
11	Bùi Thị Thu Thái	14/04/1994	06	7720301	6,41	6,43	7,69	21,53	
12	Lê Thị Bích	16/08/1984	07	7720301	6,23	6,23	7,80	21,26	
13	Trương Thị Huyền	01/09/1991	07	7720301	5,87	6,30	8,05	21,22	
14	Đoàn Thị Tám	26/09/1991	07	7720301	6,58	6,67	6,84	21,09	
15	Trần Thị Hương Giang	28/08/1991	07	7720301	6,13	6,67	7,27	21,07	
16	Nguyễn Thị Hà	02/07/1982	07	7720301	6,22	6,47	7,38	21,07	
17	Nguyễn Thanh Hưng	30/09/1994	07	7720301	6,09	6,43	7,55	21,07	
18	Bùi Thị Yến	19/04/1991	07	7720301	7,00	6,63	6,43	21,06	
19	Phạm Thị Nguyệt	22/09/1980	07	7720301	6,14	6,17	7,72	21,03	
20	Phan Thị Thu	03/12/1981	07	7720301	6,46	6,50	7,07	21,03	
21	Phạm Thị Trang	25/08/1992	07	7720301	5,86	6,27	7,90	21,03	
22	Trần Thị Ánh Nguyệt	05/06/1991	07	7720301	5,50	6,27	8,25	21,02	
23	Lương Tùng Dương	03/08/1999		7720301	6,72	7,07	7,17	20,96	
24	Võ Thị Duyên	10/10/1989	06	7720301	6,33	6,30	7,28	20,91	

(Kèm theo quyết định số: 430/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 12/07/2024 của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	ĐT UT	Ngành	Điểm A	Điểm C	Điểm B	Tổng	Ghi chú
25	Đặng Thị Lan Phương	03/10/1986	07	7720301	6,28	6,63	7,00	20,91	
26	Bùi Thị Yên	07/11/1986	07	7720301	6,55	6,63	6,70	20,88	
27	Đặng Thị Hà	03/10/1994	07	7720301	5,98	6,20	7,67	20,85	
28	Trần Xuân Hiếu	05/02/1989	07	7720301	6,96	6,67	6,16	20,79	
29	Hoàng Văn Phú	13/09/1991	07	7720301	6,13	6,27	7,34	20,74	
30	Nguyễn Thị Giang	18/01/1989	07	7720301	5,89	6,33	7,50	20,72	
31	Ngô Thị Chiêm	12/09/1992	06	7720301	6,08	6,13	7,50	20,71	
32	Đinh Lan Phương	05/07/1987	07	7720301	6,40	6,40	6,85	20,65	
33	Phạm Thị Bích	20/11/1988	07	7720301	6,24	6,67	6,65	20,56	
34	Lê Thị Cần	06/08/1976	07	7720301	6,10	6,13	7,27	20,50	
35	Nguyễn Thị Hương	15/12/1986	07	7720301	6,08	6,13	7,28	20,49	
36	Bùi Thị Kim Loan	20/07/1993	07	7720301	6,47	6,20	6,80	20,47	
37	Nguyễn Thị Hồng Yên	03/07/1995		7720301	6,22	6,60	7,63	20,45	
38	Nhữ Sỹ Kỳ	12/09/1988	07	7720301	6,21	6,17	7,05	20,43	
39	Đào Thị Phụng	03/02/1989	07	7720301	6,22	6,27	6,89	20,38	
40	Vũ Thị Thu Hiền	23/05/1991	07	7720301	5,74	6,10	7,51	20,35	
41	Phí Trung Anh	30/06/1996	06	7720301	5,48	6,30	7,56	20,34	
42	Phạm Thị Thu	26/08/1984	07	7720301	6,05	5,97	7,32	20,34	
43	Đinh Thị Trang	24/06/1988		7720301	6,27	6,73	7,29	20,29	
44	Nguyễn Hào Quang	26/04/1994	07	7720301	6,08	6,17	6,94	20,19	
45	Nguyễn Thị Bích	20/02/1988	07	7720301	5,78	6,33	7,07	20,18	
46	Nguyễn Thùy Linh	15/10/1986	07	7720301	6,24	6,40	6,50	20,14	

III. NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

1	Tô Thị Tâm	03/02/1988	07	7720601	7,87	7,47	8,05	24,39	
2	Nguyễn Văn Hưng	20/12/1998	07	7720601	8,03	7,73	7,23	23,99	
3	Nguyễn Thị Tuyết Anh	20/05/1985	07	7720601	7,21	7,40	7,54	23,15	
4	Đoàn Thị Ngọc An	16/08/1990	07	7720601	6,51	6,93	7,82	22,26	
5	Nguyễn Kim Chi	03/11/1997		7720601	7,42	7,67	6,95	22,04	
6	Tô Quỳnh Trang	10/03/1999	07	7720601	6,76	7,30	6,66	21,72	
7	Đỗ Thị Ninh	12/07/1987	07	7720601	5,92	6,40	7,62	20,94	
8	Mai Thị Hồng	02/11/1986	06	7720601	6,22	6,43	7,25	20,90	
9	Nguyễn Thị Thắm	30/09/1988		7720601	6,64	6,60	6,90	20,14	
10	Nguyễn Thị Dung	03/08/1985	07	7720601	5,62	5,67	7,25	19,54	
11	Phạm Thị Then	13/08/1982		7720601	5,90	6,20	7,24	19,34	

IV. NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

1	Nguyễn Đức Anh	21/04/1997		7720602	7,95	7,43	6,60	21,98	
2	Thiều Minh Quân	04/05/1995	07	7720602	6,78	6,57	7,43	21,78	
3	Nguyễn Viết Huy	29/11/1987	07	7720602	6,55	6,67	7,51	21,73	
4	Nguyễn Văn Đức	22/11/1993	07	7720602	6,19	6,80	7,15	21,14	
5	Bùi Văn Vinh	20/06/1990	07	7720602	6,41	6,40	7,33	21,14	
6	Phạm Văn Hải	10/09/1988	07	7720602	6,98	6,43	6,69	21,10	
7	Vũ Duy Khánh	25/07/1985	07	7720602	6,60	6,50	7,00	21,10	
8	Trần Văn Ban	26/07/1995	07	7720602	6,69	6,67	6,71	21,07	
9	Nguyễn Duy Nam	22/10/1991	07	7720602	6,59	6,57	6,86	21,02	

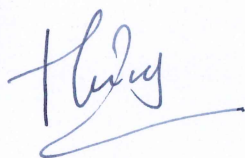
(Kèm theo quyết định số: 430/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 12/07/2024 của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	ĐT UT	Ngành	Điểm A	Điểm C	Điểm B	Tổng	Ghi chú
10	Trần Huệ Hoàng	12/09/1993	07	7720602	5,89	6,50	7,60	20,99	
11	Hà Gia Huy	11/03/2000	01	7720602	6,10	6,33	6,52	20,95	
12	Hà Mạnh Huy	04/02/1995	07	7720602	6,18	6,57	7,15	20,90	
13	Vương Việt Tùng	14/01/2000		7720602	6,69	6,90	7,30	20,89	

V. NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1	Vũ Thị Thuỳ	25/11/1986	07	7720603	7,96	7,20	7,10	23,26	
2	Phan Thị Thuỷ	05/04/1982	07	7720603	6,57	6,50	7,50	21,57	
3	Nguyễn Phương Linh	05/03/2001		7720603	6,92	7,40	7,10	21,42	
4	Nguyễn Tùng Lâm	20/07/1983	07	7720603	7,04	6,90	6,30	21,24	
5	Cao Thị Yên	29/10/1996		7720603	7,12	7,50	6,61	21,23	

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Kiều Hưng

Hải Dương, ngày 12 tháng 7 năm 2024
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Cẩm Hưng

